

Số: 48 /2024/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 06 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Đổi tên Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Nghệ An thành Chi cục Dân số tỉnh Nghệ An và Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục Dân số tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ về việc Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 34/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chi cục Dân số thuộc Sở Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2970/TTr-SYT ngày 10/9/2024 và Công văn số 3529/SYT-TCCB ngày 21/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đổi tên Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Nghệ An thành Chi cục Dân số tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Dân số tỉnh Nghệ An (viết tắt là Chi cục Dân số) là tổ chức hành chính thuộc Sở Y tế, thực hiện chức năng giúp Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân số, bao gồm các lĩnh vực: quy mô dân số, cơ cấu dân số, chất lượng dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng; chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về dân số trên địa bàn tỉnh.

2. Chi cục Dân số chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Y tế, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Cục Dân số thuộc Bộ Y tế.

3. Chi cục Dân số có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu giúp Sở Y tế trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, quy chế phối hợp liên ngành, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và xã hội hóa về công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

2. Trình Sở Y tế ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình phối hợp liên ngành trong lĩnh vực dân số trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về dân số đã được phê duyệt.

4. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

5. Tham mưu cấp có thẩm quyền lồng ghép nội dung dân số trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

6. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra và tổ chức thực hiện.

7. Về quy mô dân số:

a) Theo dõi biến động về dân số, trình cấp có thẩm quyền đề xuất các giải pháp, mô hình điều chỉnh mức sinh và tỷ lệ tăng dân số trên địa bàn tỉnh;

b) Xây dựng dự báo dân số phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

8. Về cơ cấu dân số:

a) Xây dựng, mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp can thiệp về cơ cấu dân số theo giới tính và độ tuổi trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật để bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh theo quy luật sinh sản tự nhiên trên địa bàn tỉnh.

9. Về chất lượng dân số:

a) Xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp can thiệp về chất lượng dân số để góp phần đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh;

b) Hướng dẫn, triển khai thực hiện các đề án nâng cao chất lượng dân số, tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, giảm tảo hôn, hôn nhân cận huyết, sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh.

10. Về kế hoạch hóa gia đình:

a) Xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu về thực hiện kế hoạch hóa gia đình, biện pháp tránh thai; hướng dẫn các biện pháp phòng tránh vô sinh tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh;

b) Dự báo nhu cầu phương tiện tránh thai; quản lý điều phối hoạt động cung ứng phương tiện tránh thai qua các kênh phân phối miễn phí, tiếp thị xã hội, xã hội hóa trong chương trình dân số.

11. Về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng:

a) Xây dựng, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho người cao tuổi tại cộng đồng;

b) Hướng dẫn tổ chức thực hiện tăng cường sức khỏe, phòng bệnh, tự chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho người cao tuổi tại cộng đồng; phối hợp tổ chức khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi, phục hồi chức năng cho người cao tuổi tại cộng đồng.

12. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan hướng dẫn chuyên môn, thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục và cung cấp dịch vụ tư vấn về dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

13. Tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thông tin, cải cách hành chính trong phạm vi thẩm quyền được giao.

14. Phối hợp xây dựng hệ thống tin quản lý dữ liệu về dân số, chuyển đổi số trong công tác dân số; tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin và báo cáo về dân số theo quy định.

15. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về hoạt động của các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn về dân số thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh: Dịch vụ tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn, tư vấn sàng lọc trước sinh, sơ sinh, tư vấn kế hoạch hóa gia đình, tư vấn chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

16. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về dân số cho công chức, viên chức dân số, cộng tác viên và người làm công tác dân số trên địa phương theo quy định.

17. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; tài chính, tài sản được giao; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý.

18. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác dân số trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Sở Y tế.

19. Tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo về công tác dân số của tỉnh.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc Sở Y tế giao.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy

a) Lãnh đạo Chi cục Dân số: gồm có Chi cục trưởng và 01 Phó Chi cục trưởng.

Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục.

Phó Chi cục trưởng là người giúp Chi cục trưởng chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hiện hành.

b) Các phòng thuộc Chi cục:

Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế hoạch và Tài chính;

Phòng Truyền thông - Giáo dục;

Phòng Dân số.

2. Biên chế

a) Biên chế của Chi cục Dân số do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ hàng năm trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của Chi cục;

b) Cơ cấu biên chế của Chi cục gồm những cán bộ, công chức có chuyên ngành y tế và các chuyên ngành khác có liên quan phù hợp. Việc tiếp nhận, tuyển dụng thực hiện theo quy định hiện hành;

c) Số lượng biên chế tối thiểu bố trí cho từng phòng thuộc Chi cục; số lượng phó trưởng phòng thuộc Chi cục thực hiện theo quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 11 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 57/2021/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Nghệ An.

3. Bãi bỏ Điều 2, Điều 3 Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 17/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thành lập Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình tỉnh Nghệ An.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Chi cục trưởng Chi cục Dân số tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Y tế;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Hùng)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đình Long